

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST- HNGĐ, ngày 09/5/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980

Bị đơn: Văn Công S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 56, ấp Hòa T, xã An Phú T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/4/2018 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị T và anh S chung sống với nhau năm 2000, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Chính vì thế nên chị T và anh S đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị với anh S không đạt được mục đích, vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Văn Công S.

- *Về con chung:* có 02 con chung Văn Thành L, sinh ngày 13/11/2001 và Văn Thị Kim T, sinh ngày 01/12/2008, hai con đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có

Bị đơn anh Văn Công S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con của chị T và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Áp dụng Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 cháu Văn Thành L, sinh ngày 13/11/2001 và Văn Thị Kim T, sinh ngày 01/12/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị T tự thỏa thuận với anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Kim T với anh Văn Công S là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2]. Tại phiên tòa bị đơn Văn Công S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Văn Công S chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh S chung sống hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị T có khuyên nhiều lần nhưng anh S không thay đổi nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh S và vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

[2]. *Về nuôi con chung*: chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung Văn Thành L và Văn Thị Kim T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị T và anh S sống ly thân cho đến nay 02 cháu L và T sinh sống cùng chị T, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo chị T trình bày thì thu nhập mỗi tháng của chị là 5.500.000đồng, số tiền này đủ để chị nuôi con ăn học. Vì vậy, nên giao 02 cháu Văn Thành L và Văn Thị Kim T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh S trợ cấp nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng.

[3]. *Về tài sản chung*: chị T tự thỏa thuận với anh S, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có

[4]. Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có phù hợp nên chấp nhận.

[5]. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Văn Công S.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Văn Thành L, sinh ngày 13/11/2001 và cháu Văn Thị Kim T, sinh ngày 01/12/2008 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Văn Công S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Văn Công S tự thỏa thuận.

4. *Về nợ chung*: không có

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 09/5/2018 theo biên lai số 03068 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Văn Công S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thiêm